

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1169/2022/QĐST-HNGĐ**

Tân Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1044/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu :

- Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 197x; Địa chỉ: Đường C, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Công O, sinh năm 197x; Địa chỉ: Đường X, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào bản chính giấy chứng nhận kết hôn số x/201x, quyển số x/Px, đăng ký ngày x/x/201x tại Ủy ban nhân dân Phường 03, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Công O là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà R và ông O thể hiện vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ khoảng năm 2015 do không cùng quan điểm sống từ đó tình cảm ngày càng nhạt dần, ít có sự chia sẻ, gắn kết với nhau và mỗi người đều cảm thấy thoải mái với cuộc sống riêng của mình. Nhận thấy vợ chồng có nhiều khác biệt, cuộc sống chung không hạnh phúc, khả năng hàn gắn là không có và sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Công H – sinh ngày x/x/201x và Nguyễn Ngọc Đoan P – sinh ngày x/x/201x. Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện. Nhận thấy, thỏa thuận của hai bên về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.
- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông O, bà R chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Công O thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên Nguyễn Công H – sinh ngày x/x/201x và Nguyễn Ngọc Đoan P – sinh ngày x/x/201x lần lượt đến tuổi thành niên.

Việc cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do 2 bên tự thực hiện.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Công O chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/00322x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND quận Tân Bình;
 - CCTHADS quận Tân Bình;
 - UBND Phường 3, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh ;
- (để ghi vào sổ hộ tịch) theo giấy chứng nhận kết hôn số: x/201x, quyền số x/P3; đăng ký ngày x/x/201x;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo